

Số: /BKHCN-TĐC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

V/v danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về ICT phục vụ phát triển đô thị thông minh

Kính gửi:.....

Thực hiện Thông báo kết luận cuộc họp của Lãnh đạo Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với Thường trực Tổ giúp việc và các cơ quan có liên quan về đánh giá hiện trạng và một số nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy mô hình hợp tác 3 nhà, hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, khu công nghệ cao, đô thị thông minh và trí tuệ nhân tạo tháo gỡ những tồn tại, hạn chế, điểm nghẽn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Thông báo số 45-TB/TGV ngày 30/9/2025).

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15 (có hiệu lực từ 01/01/2026), Khoản 2 Điều 44 của Nghị định số 269/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ về Phát triển đô thị thông minh; Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về ICT phục vụ phát triển đô thị thông minh (các Phụ lục kèm theo).

Bên cạnh các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nêu tại các Phụ lục kèm theo công văn này, được phép áp dụng trực tiếp tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật số 70/2025/QH15 và Điều 11 Thông tư số 11/2021/TT-BKHCN ngày 18/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển KHCN, ĐMST, CDS (đề b/c);
- Bộ trưởng (đề b/c);
- Thứ trưởng Lê Xuân Định;
- Lưu: VT, TĐC (11).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Xuân Định

DANH SÁCH GỬI CÔNG VĂN

(Kèm theo Công văn số /BKHCN-TĐC ngày tháng năm 2025
của Bộ Khoa học và Công nghệ)

A. Các Bộ, cơ quan ngang bộ

1. Văn phòng Chính phủ
2. Bộ Tư pháp
3. Bộ Ngoại giao
4. Bộ Xây dựng
5. Bộ Công Thương
6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
7. Bộ Quốc phòng
8. Bộ Công an
9. Bộ Nông nghiệp và Môi trường
10. Bộ Dân tộc và Tôn giáo
11. Bộ Y tế
12. Bộ Tài chính
13. Bộ Giáo dục và Đào tạo
14. Bộ Nội Vụ
15. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
16. Thanh tra Chính phủ
17. Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
18. Đài Tiếng nói Việt Nam
19. Đài Truyền hình Việt Nam
20. Thông tấn xã Việt Nam
21. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
22. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
23. Công thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải);

B.34 Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

C. Tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp, tổ chức quốc tế, doanh nghiệp tại Việt Nam

24. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)
25. Hội khoa học và kỹ thuật về tiêu chuẩn, chất lượng Việt Nam
26. Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao
27. Hiệp hội Blockchain và Tài sản số Việt Nam
28. Hiệp hội An toàn thông tin Việt Nam (VNISA)
29. Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam (VINASA)
30. Hiệp hội Internet Việt Nam (VIA)
31. Hiệp hội Thương mại Điện tử Việt Nam (VECOM)
32. Hiệp hội Viễn thông Việt Nam (VNTA)
33. Hiệp hội Viễn thông, CNTT, Điện tử Việt Nam
34. Hội Truyền thông số Việt Nam Hội Tin học Tp. HCM (HCA)
35. Hội Tin học Việt Nam (VAIP)

Phụ lục I
DANH MỤC TIÊU CHUẨN QUỐC GIA VỀ ICT PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÔNG MINH
(Ban hành kèm theo Công văn số /BKHCN-TĐC ngày tháng năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Số hiệu	Tên tiêu chuẩn
1.	TCVN 12135:2018	Thành phố thông minh - Từ vựng Smart cities - Vocabulary
2.	TCVN 12136:2018	Khung thành phố thông minh - Hướng dẫn thiết lập các chiến lược cho thành phố và cộng đồng thông minh Smart city framework - Guide to establishing strategies for smart cities and communities
3.	TCVN 12138:2018	Thành phố thông minh - Hướng dẫn Smart cities - Guide
4.	TCVN 12139:2018	Thành phố thông minh - Hướng dẫn đối với vai trò trong quá trình qui hoạch và phát triển Smart cities - Guide to the role of the planning and development process
5.	TCVN 12140:2018	Hướng dẫn xây dựng cộng đồng bền vững Guidance for community sustainable development
6.	TCVN 14168:2024	Đô thị thông minh - Hướng dẫn thiết lập mô hình liên thông dữ liệu Smart City - Guidance for establishing a model for data interoperability
7.	TCVN 14169:2024	Đô thị thông minh - Hướng dẫn thiết lập khung ra quyết định đối với chia sẻ dữ liệu và dịch vụ thông tin Smart cities — Guide to establishing a decision-making framework for sharing data and information services
8.	TCVN 14170:2024	Đô thị thông minh - Khung dữ liệu mở Smart cities — Framework of open data in smart cities
9.	TCVN 14176-2:2024	Công trình xây dựng – Tổ chức thông tin về công trình xây dựng – Phần 2: Khung phân loại Building construction – Organization of information about construction works – Part 2: Framework for classification
10.	TCVN 14177-1:2024	Tổ chức và số hóa thông tin về công trình xây dựng, bao gồm mô hình hóa thông tin công trình (BIM) – Quản lý thông tin sử dụng mô hình hóa thông tin công trình – Phần 1: Khái niệm và nguyên tắc Organization and digitization of information about buildings and civil engineering works, including building information modelling (BIM) – Information management using building information modelling – Part 1: Concepts and principles

11.	TCVN 14177-2:2024	Tổ chức và số hóa thông tin về công trình xây dựng, bao gồm mô hình hóa thông tin công trình (BIM) – Quản lý thông tin sử dụng mô hình hóa thông tin công trình – Phần 2: Giai đoạn chuyển giao tài sản Organization and digitization of information about buildings and civil engineering works, including building information modelling (BIM) – Information management using building information modelling – Part 2: Delivery phase of the assets
12.	TCVN ISO 37100:2020	Đô thị và cộng đồng bền vững – Từ vựng Sustainable cities and communities — Vocabulary
13.	TCVN 37101:2018	Phát triển bền vững cho cộng đồng – Hệ thống quản lý về phát triển bền vững – Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng Sustainable development in communities – Management system for sustainable development – Requirements with guidance for use
14.	TCVN ISO 37104:2020	Đô thị và cộng đồng bền vững – Chuyển đổi đô thị – Hướng dẫn thực hiện trong thực tiễn ở địa phương theo TCVN 37101 Radiological protection — Criteria and performance limits for the periodic luation of dosimetry services
15.	TCVN ISO 37105:2020	Đô thị và cộng đồng bền vững – Khung mô tả cho các đô thị và cộng đồng Sustainable cities and communities — Descriptive framework for cities and communities
16.	TCVN ISO 37106:2018	Đô thị và cộng đồng bền vững – Hướng dẫn thiết lập mô hình hoạt động của đô thị thông minh cho cộng đồng bền vững Sustainable cities and communities – Guidance on establishing smart city operating models for sustainable communities
17.	TCVN ISO/TS 37107:2020	Đô thị và cộng đồng bền vững – Mô hình trưởng thành cho các cộng đồng thông minh và bền vững Sustainable cities and communities – Maturity model for smart sustainable communities
18.	TCVN 37120:2018	Phát triển bền vững cho cộng đồng – Các chỉ số về dịch vụ và chất lượng sống đô thị Sustainable development in communities – Indicators for city services and quality of life
19.	TCVN ISO 37122:2020	Đô thị và cộng đồng bền vững – Các chỉ số cho đô thị thông minh Sustainable cities and communities — Indicators for smart cities
20.	TCVN ISO 37123:2020	Đô thị và cộng đồng bền vững – Các chỉ số cho đô thị có khả năng phục hồi Sustainable cities and communities — Indicators for resilient cities
21.	TCVN 14505:2025	Đô thị và cộng đồng bền vững – Các chỉ số về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) cho các đô thị Sustainable cities and communities – Environmental, social and governance (ESG) indicators for cities

22.	TCVN ISO/TR 37121:2018	Phát triển bền vững cho cộng đồng – Danh mục các hướng dẫn và cách tiếp cận hiện hành về sự phát triển bền vững và khả năng phục hồi tại các đô thị Sustainable development in communities – Inventory of existing guidelines and approaches on sustainable development and resilience in cities
23.	TCVN 13243:2020	Đô thị thông minh – Hướng dẫn thiết lập khung ra quyết định về chia sẻ dịch vụ thông tin và dữ liệu Smart cities – Guide to establishing a decision-making framework for sharing data and information services
24.	TCVN 13244:2020	Đô thị thông minh – Phát triển các đề xuất dự án để cung cấp các giải pháp đô thị thông minh – Hướng dẫn Smart Cities - Developing project proposals for delivering smart city solutions. Guide
25.	TCVN 13245:2020	Đô thị thông minh – Đặc tả cho việc thiết lập và triển khai cách tiếp cận tập trung vào an ninh/tâm thức an ninh Smart cities – Specification for establishing and implementing a security-minded approach
26.	TCVN 12836-1:2020	Hệ thống giao thông thông minh - Kiến trúc mô hình tham chiếu cho hệ thống giao thông thông minh (ITS) - Phần 1: Các miền dịch vụ, nhóm dịch vụ và dịch vụ ITS Intelligent transport systems - Reference model architecture(s) for the ITS sector - Part 1: ITS service domains, service groups and services
27.	TCVN 13599-1:2022	Hệ thống giao thông thông minh (ITS) – Trao đổi dữ liệu với các mô đun giao tiếp bên đường – Phần 1: Nguyên tắc chung và khung tài liệu cho các hồ sơ ứng dụng Intelligent transport systems (ITS) – Data Exchange Involving Roadside Modules Communication – Part 1: General principles and documentation framework of application profiles
28.	TCVN 13599-2:2022	Hệ thống giao thông thông minh (ITS) – Trao đổi dữ liệu với các mô đun giao tiếp bên đường – Phần 2: Giao tiếp giữa trung tâm và các thiết bị liên quan bằng giao thức SNMP Intelligent transport systems (ITS) – Data Exchange Involving Roadside Modules Communication – Part 2: Traffic Management Centre to field device communications using SNMP
29.	TCVN 13599-3:2022	Hệ thống giao thông thông minh (ITS) – Trao đổi dữ liệu với các mô đun giao tiếp bên đường – Phần 3: Hồ sơ ứng dụng – Trao đổi dữ liệu (AP-DATEX) Intelligent transport systems (ITS) – Data exchange involving roadside modules communication – Part 3: Application profile-data exchange (AP-DATEX)
30.	TCVN 13600-1:2022	Hệ thống giám sát và thông tin giao thông – Giao diện dữ liệu giữa các trung tâm phục vụ hệ thống giám sát và thông tin giao thông – Phần 1: Các yêu cầu định nghĩa thông điệp Transport information and control systems – Data interfaces between centres for transport information and control systems – Part 1: Message definition requirements

31.	TCVN 13600-2:2022	Hệ thống giám sát và thông tin giao thông – Giao diện dữ liệu giữa các trung tâm phục vụ hệ thống giám sát và thông tin giao thông – Phần 2: DATEX-ASN Transport information and control systems – Data interfaces between centres for transport information and control systems – Part 2: DATEX-ASN
32.	TCVN 13600-3:2022	Hệ thống giám sát và thông tin giao thông – Giao diện dữ liệu giữa các trung tâm phục vụ hệ thống giám sát và thông tin giao thông – Phần 3: Giao diện dữ liệu giữa các trung tâm phục vụ hệ thống giao thông thông minh (ITS) sử dụng XML (Hồ sơ A) Transport information and control systems – Data interfaces between centres for transport information and control systems – Part 3: Data interfaces between centres for intelligent transport systems (ITS) using XML (Profile A)
33.	TCVN 13063-1:2020	Hệ thống giao thông thông minh (ITS) – Giao thức hướng dẫn qua thiết bị ITS cá nhân cho các hệ thống cảnh báo an toàn giao thông - Phần 1: Thông tin chung và xác định trường hợp sử dụng Intelligent transport systems –Guidance protocol via personal ITS station for advisory safe system Part 1: General information and use case definitions
34.	TCVN 13063-2:2020	Hệ thống giao thông thông minh (ITS)– Giao thức hướng dẫn qua thiết bị ITS cá nhân cho các hệ thống cảnh báo an toàn giao thông - Phần 2: Các yêu cầu và đặc tả giao thức hướng dẫn đường bộ Intelligent transport systems(ITS)–Guidance protocol via personal ITS station for advisory safe system - Part 2: Road guidance protocol (RGP) requirements and specification
35.	TCVN 13063-3:2020	Hệ thống giao thông thông minh (ITS)– Giao thức hướng dẫn qua thiết bị ITS cá nhân cho các hệ thống cảnh báo an toàn giao thông - Phần 3: Đặc tả kiểm thử sự phù hợp với giao thức hướng dẫn đường bộ Intelligent transport systems(ITS)–Guidance protocol via personal ITS station for advisory safe system -Part 3: Road guidance protocol (RGP) conformance test specification
36.	TCVN 13064-1:2020	Hệ thống giao thông thông minh (ITS) – Giao diện phương tiện để cung cấp và hỗ trợ dịch vụ ITS - Phần 1: Thông tin chung và xác định trường hợp sử dụng Intelligent transport systems – Vehicle interface for provisioning and support of ITS services - Part 1: General information and use case definitions
37.	TCVN 13064-2:2020	Hệ thống giao thông thông minh (ITS) – Giao diện phương tiện để cung cấp và hỗ trợ dịch vụ ITS – Phần 2: Yêu cầu và đặc tả giao thức cổng hợp nhất đối với giao diện cổng trạm ITS phương tiện Intelligent transport systems – Vehicle interface for provisioning and support of ITS services – Part 2: Unified gateway protocol (UGP) requirements and specification for vehicle ITS station gateway (V-ITS- SG) interface

38.	TCVN 13064-3:2020	Hệ thống giao thông thông minh – Giao diện phương tiện để cung cấp và hỗ trợ dịch vụ ITS - Phần 3: Đặc tả API máy chủ và máy khách giao thức giao diện phương tiện hợp nhất Intelligent transport systems - Vehicle interface for provisioning and support of ITS Services - Part 3: Unified vehicle interface protocol (UVIP) server and client API specification
39.	TCVN 13910-1:2024	Hệ thống giao thông thông minh – Từ điển dữ liệu trung tâm ITS – Phần 1: Yêu cầu đối với định nghĩa dữ liệu ITS Intelligent transport systems - ITS central data dictionaries - Part 1: Requirements for ITS data definitions
40.	TCVN 13910-2:2024	Hệ thống giao thông thông minh – Từ điển dữ liệu trung tâm ITS - Phần 2: Quản lý đăng ký khái niệm dữ liệu ITS trung tâm Intelligent transport systems - ITS central data dictionaries - Part 2: Governance of the Central ITS Data Concept Registry
41.	TCVN 13910-3:2024	Hệ thống giao thông thông minh – Từ điển dữ liệu trung tâm ITS – Phần 3: Gán mã định danh đối tượng cho các khái niệm dữ liệu ITS Intelligent transport systems - ITS central data dictionaries - Part 3: Object identifier assignments for ITS data concepts
42.	TCVN 37150:2018	Hạ tầng thông minh cho cộng đồng - Xem xét hoạt động hiện tại liên quan đến chuẩn đo Smart community infrastructures - Review of existing activities relevant to metrics
43.	TCVN 37151:2018	Hạ tầng thông minh cho cộng đồng – Nguyên tắc và yêu cầu đối với chuẩn đo kết quả hoạt động Smart community infrastructures – Principles and requirements for performance metrics
44.	TCVN 37152:2018	Hạ tầng thông minh cho cộng đồng – Khuôn khổ chung về phát triển và vận hành Smart community infrastructures – Common framework for development and operation
45.	TCVN ISO 37153:2020	Hạ tầng thông minh cho cộng đồng - Mô hình trưởng thành cho đánh giá và cải tiến Smart community infrastructures — Maturity model for assessment and improvement
46.	TCVN ISO 37154:2020	Hạ tầng thông minh cho cộng đồng - Hướng dẫn thực hành tốt trong giao thông vận tải Smart community infrastructures — Best practice guidelines for transportation
47.	TCVN ISO 37157:2020	Hạ tầng thông minh cho cộng đồng - Giao thông vận tải thông minh cho đô thị thu gọn Smart community infrastructures — Smart transportation for compact cities
48.	TCVN ISO 46001:2025	Hệ thống quản lý sử dụng nước hiệu quả - Yêu cầu hướng dẫn sử dụng Water efficiency management systems — Requirements with guidance for use
49.	TCVN 12525-1:2018	Tái sử dụng nước tại khu vực đô thị – Hướng dẫn cho hệ thống tái sử dụng nước tập trung – Phần 1: Nguyên tắc thiết kế hệ thống tái sử dụng nước tập trung

		Water reuse in urban areas — Guidelines for centralized water reuse system — Part 1: Design principle of a centralized water reuse system
50.	TCVN 12525-2:2018	Tái sử dụng nước tại khu vực đô thị – Hướng dẫn cho hệ thống tái sử dụng nước tập trung – Phần 2: Quản lý hệ thống tái sử dụng nước tập trung Water reuse in urban areas - Guidelines for centralized water reuse system - Part 2: Management of a centralized water reuse system
51.	TCVN 12344:2019	Tin học y tế – Gán, làm nhãn phân định và thu nhận dữ liệu tự động – Phân định nhân viên y tế và bệnh nhân Health Informatics — Automatic identification and data capture marking and labelling — Subject of care and individual provider identification
52.	TCVN 14506:2025	Công nghệ thông tin – Chỉ số công nghệ thông tin và truyền thông cho đô thị thông minh Information technology – Smart city Information and Communication Technologies indicators
53.	TCVN 14507:2025	Công nghệ thông tin – Kiến trúc tham chiếu nền tảng số đô thị thông minh – Dữ liệu và dịch vụ Information technology – Smart city digital platform reference architecture – Data and service

Phụ lục II
DANH MỤC QUY CHUẨN KỸ THUẬT VỀ ICT PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÔNG MINH

(Ban hành kèm theo Công văn số /BKHCN-TĐC ngày tháng năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Số hiệu và tên QCVN	Văn bản ban hành
1.	QCVN 09:2025/BCA Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Cấu trúc thông điệp dữ liệu đối với cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia	Thông tư số 08/2025/TT-BCA ngày 05/02/2025
2.	QCVN 75:2013/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị truyền dẫn dữ liệu tốc độ thấp dải tần 5.8 GHz ứng dụng trong lĩnh vực giao thông vận tải	Thông tư số 16/2013/TT-BTTTT ngày 10/7/2013
3.	QCVN 76:2013/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị truyền dẫn dữ liệu tốc độ cao dải tần 5.8 GHz ứng dụng trong lĩnh vực giao thông vận tải	Thông tư số 16/2013/TT-BTTTT ngày 10/7/2013
4.	QCVN 112:2017/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về về tương thích điện từ đối với thiết bị vô tuyến truyền dữ liệu băng rộng	Thông tư số 18/2017/TT-BTTTT ngày 11/9/2017
5.	Sửa đổi 1:2024 QCVN 126:2021/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất 5G	Thông tư số 22/2024/TT-BTTTT ngày 31/12/2024
6.	QCVN 127:2021/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị đầu cuối mạng thông tin di động 5G độc lập - Phần truy nhập vô tuyến	Thông tư số 06/2021/TT-BTTTT ngày 31/8/2021
7.	QCVN 128:2021/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị trạm gốc thông tin di động 5G - Phần truy nhập vô tuyến	Thông tư số 05/2021/TT-BTTTT ngày 16/8/2021
8.	QCVN 129:2021/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị đầu cuối mạng thông tin di động 5G lai ghép - Phần truy nhập vô tuyến	Thông tư số 28/2021/TT-BTTTT ngày 31/12/2021
9.	QCVN 109: 2017/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc thông điệp dữ liệu công dân trao đổi với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Thông tư số 02/2017/TT-BTTTT ngày 04/4/2017

10.	QCVN 120:2019/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc, định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối Cổng Dịch vụ công quốc gia với Cổng Dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh và các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành	Thông tư số 18/2019/TT-BTTTT ngày 25/12/2019
11.	QCVN 125:2021/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc, định dạng dữ liệu phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin báo cáo trong Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Thông tư số 02/2021/TT-BTTTT ngày 21/6/2021
12.	QCVN 135:2024/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị camera giám sát sử dụng giao thức Internet - Các yêu cầu an toàn thông tin cơ bản	Thông tư số 21/2024/TT-BTTTT ngày 31/12/2024

Phụ lục III
DANH MỤC CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ, KHU VỰC, NƯỚC NGOÀI
VỀ ICT PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÔNG MINH
(Ban hành kèm theo Công văn số /BKHCN-TĐC ngày tháng năm 2025
của Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
A. Đô thị thông minh		
1.	ISO 37101:2016 (Amd 1:2024)	Phát triển bền vững trong cộng đồng - Hệ thống quản lý cho phát triển bền vững - Các yêu cầu hướng dẫn sử dụng Soát xét: TCVN 37101:2028
2.	ISO 37106:2021	Cộng đồng và đô thị bền vững - Hướng dẫn thiết lập mô hình điều hành đô thị thông minh cho các cộng đồng bền vững Soát xét: TCVN ISO 37106:2018
3.	ISO 37108:2022	Đô thị và cộng đồng bền vững - Mô hình trưởng thành cho cộng đồng thông minh, bền vững
4.	ISO 37120:2018	Đô thị và cộng đồng bền vững - Các chỉ số cho dịch vụ đô thị và chất lượng cuộc sống Soát xét: TCVN 37120:2018
B. Công nghệ thông tin và truyền thông cho đô thị thông minh		
5.	ISO/IEC 17917:2024	Đô thị thông minh — Hướng dẫn thiết lập khuôn khổ ra quyết định để chia sẻ dữ liệu và dịch vụ thông tin
6.	ISO/IEC 21972:2020	Công nghệ thông tin — Ontology cấp cao cho các chỉ số thành phố thông minh
7.	ISO/IEC 30145-1:2021	Công nghệ thông tin — Khung tham chiếu CNTT Thành phố thông minh - Phần 1: Khung quy trình kinh doanh thành phố thông minh
8.	ISO/IEC 30145-2:2020	Công nghệ thông tin — Khung tham chiếu CNTT Thành phố thông minh - Phần 2: Khung quản lý tri thức thành phố thông minh
9.	ISO/IEC 30145-3:2020	Công nghệ thông tin — Khung tham chiếu CNTT Thành phố thông minh - Phần 3: Khung kỹ thuật thành phố thông minh

10.	ISO/IEC 30182:2017	Mô hình khái niệm thành phố thông minh — Hướng dẫn thiết lập mô hình tương tác dữ liệu Soát xét: TCVN 14168:2024
C. Trao đổi và chia sẻ dữ liệu cho đô thị thông minh		
11.	ISO 37155-1:2020	Khung tích hợp và vận hành cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh - Phần 1: Khuyến nghị để xem xét các cơ hội và thách thức từ các tương tác trong cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh từ các khía cạnh liên quan trong suốt vòng đời
12.	ISO 37155-2:2021	Khung tích hợp và vận hành cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh — Phần 2: Phương pháp tiếp cận toàn diện và chiến lược phát triển, vận hành và bảo trì cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh
13.	ISO 37156:2020	Cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh — Hướng dẫn về trao đổi và chia sẻ dữ liệu cho cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh
14.	ISO 37166:2022	Cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh — Khung tích hợp dữ liệu đô thị cho quy hoạch thành phố thông minh (SCP)
15.	ISO 37170:2022	Cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh — Khung dữ liệu cho quản trị cơ sở hạ tầng dựa trên công nghệ số tại các thành phố thông minh
16.	ISO TS 37172:2022	Cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh — Trao đổi và chia sẻ dữ liệu cho cơ sở hạ tầng cộng đồng dựa trên thông tin địa lý
17.	ISO 37173:2023	Cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh — Hướng dẫn phát triển hệ thống thông tin tòa nhà thông minh
18.	ISO 37176:2024	Cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh — Đánh giá khả năng phản ứng và mô hình trưởng thành
19.	ISO 37190:2025	Hướng dẫn thực hiện thực tế loạt tiêu chuẩn ISO 37155 để giám sát ở từng giai đoạn vòng đời của cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh
D. Giao thông và vận tải thông minh		
20.	ISO 16481:2025	Di chuyển và vận tải bền vững — Quản trị số — Nhu cầu chiến lược liên quan đến

		mục đích phát triển bền vững của ISO 37101
21.	ISO 16499-1:2025	Di chuyển và vận tải bền vững — Di chuyển tự động sử dụng cơ sở hạ tầng vật lý và kỹ thuật số - Phần 1: Kiến trúc vai trò dịch vụ
22.	ISO 37184:2023	Di chuyển và vận tải bền vững — Khung cho các dịch vụ vận tải bằng cách cung cấp mạng lưới cho truyền thông 5G
E. An toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ quyền riêng tư		
23.	ISO/IEC 27001:2022 và ISO/IEC 27001:2022/Amd 1:2024	An toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ quyền riêng tư — Hệ thống quản lý an toàn thông tin — Yêu cầu Soát xét: TCVN ISO/IEC 27001:2019
24.	ISO/IEC 27002:2022	An toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ quyền riêng tư — Biện pháp kiểm soát an toàn thông tin Soát xét: ISO/IEC 27002:2020
25.	ISO/IEC 27003:2017	Công nghệ thông tin — Kỹ thuật bảo mật — Hệ thống quản lý an toàn thông tin — Hướng dẫn
26.	ISO/IEC 27005:2022	An toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ quyền riêng tư — Hướng dẫn quản lý rủi ro an toàn thông tin
27.	ISO/IEC 27701:2019	An toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ quyền riêng tư — Hướng dẫn quản lý rủi ro an toàn thông tin
F. Internet vạn vật (IOT)		
28.	ISO/IEC 20924:2024	Internet vạn vật (IoT) và bản sao kỹ thuật số — Từ vựng (Internet of Things (IoT) and digital twin — Vocabulary)
29.	ISO/IEC 30173:2023	Bản sao kỹ thuật số — Khái niệm và thuật ngữ (Digital twin — Concepts and terminology)
30.	ISO/IEC 30194:2024	Internet vạn vật (IoT) và bản sao kỹ thuật số — Các phương pháp hay nhất cho các dự án trường hợp sử dụng (Internet of things (IoT) and digital twin — Best practices for use case projects)
31.	ISO/IEC 29341-30-10:2017	Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Giao thức điều khiển thiết bị điều

		kiển và quản lý IoT – Phần 30-10: Dịch vụ lưu trữ dữ liệu
32.	ISO/IEC 29341-30-11:2017	Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Giao thức điều khiển thiết bị điều khiển và quản lý IoT – Phần 30-11: Dịch vụ mô hình dữ liệu điều khiển và quản lý IoT
33.	ISO/IEC 29341-30-12I:2017	Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Giao thức điều khiển thiết bị điều khiển và quản lý IoT – Phần 30-12: Dịch vụ truyền điều khiển và quản lý IoT
G. Trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn		
34.	ISO/IEC 5259-1:2024	Trí tuệ nhân tạo — Chất lượng dữ liệu cho phân tích và học máy (ML) — Phần 1: Tổng quan, thuật ngữ và ví dụ
35.	ISO/IEC 5259-2:2024	Trí tuệ nhân tạo — Chất lượng dữ liệu cho phân tích và học máy (ML) — Phần 2: Các biện pháp chất lượng dữ liệu
36.	ISO/IEC 5259-3:2024	Trí tuệ nhân tạo — Chất lượng dữ liệu cho phân tích và học máy (ML) — Phần 3: Yêu cầu và hướng dẫn quản lý chất lượng dữ liệu
37.	ISO/IEC 5259-4:2024	Trí tuệ nhân tạo — Chất lượng dữ liệu cho phân tích và học máy (ML) — Phần 4: Khung quy trình chất lượng dữ liệu
38.	ISO/IEC 5259-3:2024	Trí tuệ nhân tạo — Chất lượng dữ liệu cho phân tích và học máy (ML) — Phần 5: Khung quản trị chất lượng dữ liệu
39.	ISO/IEC 5339:2024	Công nghệ thông tin — Trí tuệ nhân tạo — Hướng dẫn ứng dụng AI
40.	ISO/IEC 5338:2023	Công nghệ thông tin — Trí tuệ nhân tạo — Quy trình vòng đời hệ thống AI
41.	ISO/IEC 42005:2025	Công nghệ thông tin — Trí tuệ nhân tạo (AI) — Đánh giá tác động của hệ thống AI
42.	ISO/IEC 42006:2025	Công nghệ thông tin — Trí tuệ nhân tạo — Yêu cầu đối với các tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm toán và chứng nhận hệ thống quản lý trí tuệ nhân tạo
43.	ISO/IEC 23894:2023	Công nghệ thông tin — Trí tuệ nhân tạo — Hướng dẫn quản lý rủi ro
H. Điện toán đám mây và Trung tâm dữ liệu		

44.	ISO/IEC TR 3445:2022	Công nghệ thông tin — Điện toán đám mây — Kiểm toán dịch vụ đám mây
45.	ISO/IEC 5140:2024	Công nghệ thông tin — Điện toán đám mây — Các khái niệm về đa đám mây và việc sử dụng nhiều dịch vụ đám mây
46.	ISO/IEC TS 7339:2024	Công nghệ thông tin — Điện toán đám mây — Tổng quan về loại khả năng của nền tảng và nền tảng dưới dạng dịch vụ
47.	ISO/IEC 30134-1:2016	Công nghệ thông tin - Các chỉ số hiệu quả chính của Trung tâm dữ liệu - Phần 1: Tổng quan và các yêu cầu chung
48.	ISO/IEC 30134-3:2016	Công nghệ thông tin - Các chỉ số hiệu quả chính của Trung tâm dữ liệu - Phần 3: Yếu tố năng lượng tái tạo (REF)
49.	ISO/IEC 30134-4:2017	Công nghệ thông tin - Các chỉ số hiệu quả chính của Trung tâm dữ liệu - Phần 4: Hiệu quả năng lượng thiết bị CNTT cho máy chủ (ITEEsv)
50.	ISO/IEC 30134-5:2017	Công nghệ thông tin - Các chỉ số hiệu quả chính của Trung tâm dữ liệu - Phần 5: Sử dụng thiết bị CNTT cho máy chủ (ITEUsv)
51.	ISO/IEC 30134-6:2021	Công nghệ thông tin - Các chỉ số hiệu quả chính của Trung tâm dữ liệu - Phần 6: Hệ số tái sử dụng năng lượng (ERF)
	I. Dịch vụ tài chính	
52.	ISO 5158:2023	Dịch vụ tài chính di động - Hướng dẫn định danh khách hàng
53.	ISO 5201:2024	Dịch vụ tài chính - Bảo mật thanh toán bằng quét mã
54.	ISO 17442-1:2020	Dịch vụ tài chính — Mã định danh pháp nhân (LEI) — Phần 1: Phân công Soát xét TCVN 12106:2017 (ISO 17442:2012)
55.	ISO 17442-2:2020	Dịch vụ tài chính — Mã định danh pháp nhân (LEI) — Phần 2: Ứng dụng trong chứng thư số
56.	ISO 17442-3:2024	Dịch vụ tài chính — Mã định danh pháp nhân (LEI) — Phần 3: LEI có thể xác minh (vLEI)
	K. Cung cấp dịch vụ tin cậy	

57.	ETSI EN 319 411-1 và một phần ETSI EN 319 411-2 phù hợp áp dụng trong pháp luật Việt Nam	Giao dịch điện tử - Yêu cầu vận hành và kiểm soát đối với tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng
58.	ETSI TS 119 431-1, ETSI TS 119 431-2	Giao dịch điện tử - Yêu cầu vận hành và kiểm soát đối với tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo mô hình ký số từ xa
59.	ETSI EN 319 421	Giao dịch điện tử - Yêu cầu vận hành và kiểm soát đối với tổ chức cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian
60.	ETSI EN 319 521, ETSI EN 319 531	Giao dịch điện tử - Yêu cầu vận hành và kiểm soát đối với tổ chức cung cấp dịch vụ gửi, nhận thông điệp dữ liệu bảo đảm
61.	ETSI TS 119 511	Giao dịch điện tử - Yêu cầu vận hành và kiểm soát đối với tổ chức cung cấp dịch vụ lưu trữ và xác nhận tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu
62.	ETSI EN 319 422	Giao dịch điện tử - Giao thức cấp dấu thời gian cho dịch vụ tin cậy
63.	ETSI TS 119 432	Giao dịch điện tử - Giao thức tạo chữ ký số cho mô hình ký số từ xa
64.	EN 419241-1:2018	Giao dịch điện tử - Ứng dụng ký trên máy chủ ký số cho mô hình ký số từ xa
65.	EN 419241-2:2019	Giao dịch điện tử - Yêu cầu về mô đun ký số cho mô hình ký số từ xa
66.	ETSI EN 319 522: Part 1, 2, 3, 4-1, 4-2; ETSI EN 319 532: Part 1, 2, 3, 4; ETSI TS 119 512; ETSI TS 101 533-1; RFC 4998; RFC 6283	Giao dịch điện tử - Yêu cầu về dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu
67.	ETSI TS 119 172: Part 1, 2, 3, 4; ETSI EN 319 102-1, 2; ETSI EN 319 122-1, 2, 3; ETSI EN 319 142-1,2; ISO 32000-1:2008; ISO 14533-3:2017; ISO 32000-2:2020; ETSI EN 319 132-1, 2	Giao dịch điện tử - Yêu cầu về ký số trên thông điệp dữ liệu để lưu trữ dài hạn
68.	ETSI TR 102 203	Giao dịch điện tử - Yêu cầu về chức năng, nghiệp vụ cho mô hình ký số trên thiết bị di động
69.	ETSI TS 102 204	Giao dịch điện tử - Yêu cầu về giao diện dịch vụ Web cho mô hình ký số trên thiết bị di động
70.	ETSI TR 102 206	Giao dịch điện tử - Yêu cầu về khung bảo

		mật cho mô hình ký số trên thiết bị di động
71.	ETSI TS 102 207	Giao dịch điện tử - Yêu cầu về thông số kỹ thuật chuyển vùng cho mô hình ký số trên thiết bị di động
72.	NIST Special Publication 800-107	Khuyến nghị cho các ứng dụng sử dụng thuật toán băm được chấp thuận
73.	NIST Special Publication 800-89	Giao dịch điện tử - Yêu cầu về phần mềm ký số, phần mềm kiểm tra chữ ký số
74.	NIST Special Publication 800-57 Part 1 Revision 5	Khuyến nghị về Quản lý Khóa: Phần 1 – Tổng quan
